TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2023
V/v: "*Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;
2. Ông Lý Tuấn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Hạt - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 206/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị D - sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 11, xã V, huyện V, tỉnh H.

2. *Bị đơn*: Anh Phạm Văn X - sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25/4/2023 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Tôi và chồng tôi có tìm hiểu nhau trước được 02 tháng nên đến năm 2014 chúng tôi tự nguyện sống chung như vợ chồng, không tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh H vào ngày 19/01/2016.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chúng tôi bất đồng ý kiến, sống không hợp nhau, chồng tôi không có trách nhiệm lo cho vợ con nên vợ chồng ngày càng xa cách và chúng tôi đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay, xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi là anh Phạm Văn X.

Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có 01 người con chung tên Phạm Nguyễn Nhật H - sinh ngày 30/6/2015, hiện nay con đang sống với chồng tôi nên

tôi đồng ý giao con cho chồng tôi được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung và không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với chồng tôi là anh Phạm Văn X.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Như tôi đã trình bày trên, tôi không có yêu cầu gì thêm.

Đối với anh Phạm Văn X trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh X nhiều lần nhưng anh vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên là không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Phạm Văn X. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Nhật H - sinh ngày 30/6/2015 cho anh Phạm Văn X được tiếp tục, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Miễn xét. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn X là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị D là nguyên đơn và anh Phạm Văn X là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị D có đơn xin xét xử vắng mặt còn anh X được Tòa án tống đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi anh có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng anh Phạm Văn X không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điêu 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D và anh X là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn X kết hôn với nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh H vào ngày 19/01/2016 cho nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Dù hôn nhân của chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn X là hôn nhân tự nguyện nhưng trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu nhau trước được 02 tháng nên chưa tìm hiểu kỹ cá tính của nhau. Vì vậy, khi xác lập cuộc sống chung vợ chồng thì lại bộc lộc ra những cá tính không phù hợp. Chị D cho rằng do vợ chồng bất đồng ý kiến, sống không hợp nhau, anh X không có trách nhiệm lo cho vợ con nên vợ chồng ngày càng xa cách và anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Do đó, ngày 29/5/2023 và ngày 26/6/2023 Tòa án đã tiến hành hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng anh chị đoàn tụ nhưng anh X không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh X. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay, do anh X bỏ địa phương đi và chị D có tìm kiếm nhưng không gặp được anh X. Đồng thời, chị D cũng tỏ rõ thái độ không còn tình cảm và yêu thương anh X nên cương quyết xin ly hôn với anh. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn anh chị đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

Đối với anh Phạm Văn X, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà anh X tống đạt các văn bản đúng theo qui định của pháp luật và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi anh có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng anh X không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của anh X. Từ đó, cho thấy anh Phạm Văn X đã biết được nội dung yêu cầu xin ly hôn của chị D. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt anh X theo qui định của pháp luật.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D xác định chị và anh Phạm Văn X có 01 người con chung tên Phạm Nguyễn Nhật H - sinh ngày 30/6/2015, hiện nay cháu H đang sống với anh X và bà nội của anh X nên chị D đồng ý giao cháu H cho anh X được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Đồng thời, cháu H cũng có nguyện vọng muốn sống với anh X và bà nội anh X.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Chị Nguyễn Thị D có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở chị thực hiện quyền này. Khi cần thiết, anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị D xác định chị và anh Phạm Văn X không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi xem xét lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Nguyễn Thị D phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006749, ngày

26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Phạm Văn X.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Nhật H - sinh ngày 30/6/2015 cho anh Phạm Văn X được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Đồng thời, cháu H cũng có nguyện vọng muốn sống với anh X.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Miễn xét.

Chị Nguyễn Thị D có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở chị thực hiện quyền này. Khi cần thiết, anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Nguyễn Thị D phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006749, ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 17/8/2023.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã V, V, H;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoài Thanh